

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC TIẾP THU KẾT CẤU VẬN ĐỘNG CHỨA ĐỘNG TỪ “ĐI” TRONG TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN TRUNG QUỐC¹

CHU PHONG LAN* - PHAN THỊ HUYỀN TRANG** - NGUYỄN THỊ MINH***

Tóm tắt: Xét trong phạm vi kết cấu vận động có hướng, cả tiếng Trung và tiếng Việt, hiện nay, đều được xếp vào nhóm ngôn ngữ định khung phụ từ. Thông qua việc khảo sát 90 sinh viên Trung Quốc trên dải trình độ từ sơ cấp đến cao cấp, bài viết có mục đích nhằm chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ “đi” của sinh viên. Kết quả ban đầu cho thấy, (i) có sự tác động rõ rệt từ các yếu tố phi ngôn ngữ như thời gian, môi trường, trình độ tới sự tiếp thu của sinh viên Trung Quốc; (ii) có sự tác động của các yếu tố ngôn ngữ mà cụ thể là những kết cấu vận động Vô Hướng dễ tiếp thu hơn kết cấu vận động Có Hướng. Ngoài ra, (iii) trong nội bộ kết cấu vận động Có Hướng, có sự khác biệt khi tiếp thu theo xu thế từ dễ đến khó là Đích > Tuyến > Nguồn. Như vậy, dù thuộc cùng nhóm ngôn ngữ nhưng khi tiếp thu tiếng Việt bên cạnh những thuận lợi thì sinh viên Trung Quốc vẫn còn gặp khó khăn.

Từ khóa: Thành tố Hướng, kết cấu vận động, tiếng Việt cho người Trung Quốc.

Abstract: Directed motion construction is a linguistic phenomenon observed in both Chinese and Vietnamese languages, which are currently classified as satellite-framed languages. The objective of this study is to investigate the factors that influence the acquisition process of motion constructions containing the verb “đi” among

Chinese learners. To achieve this, a survey was administered to 90 Chinese learners at various proficiency levels. The preliminary findings indicate that (i) non-linguistic factors such as temporal constraints, environmental context, and proficiency level significantly impact the acquisition process of Chinese learners; (ii) linguistic factors specifically influence the acquisition of non-directed motion constructions, which is comparatively easier to acquire compared to directed motion constructions. Additionally, (iii) within the realm of directed motion constructions, the acquisition process varies depending on the specific path types, with Goal > Route > Source representing a hierarchical order of difficulty. Consequently, despite their shared satellite-framed status, Chinese learners encounter challenges when acquiring Vietnamese motion constructions, although some advantages are also evident.

Keywords: Path, motion constructions, Vietnamese for Chinese learners.

1. Mở đầu

Những vấn đề liên quan đến nghiên cứu kết cấu vận động có Hướng không phải chỉ mới xuất hiện. Trên thế giới, Talmy [14], [15] và Slobin [11], [12], [13] đã đưa ra

* TS - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: chuphonglan83@gmail.com

** TS - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

*** TS - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

những kết luận cụ thể về cách phân chia Loại hình học ngôn ngữ dựa vào việc đánh dấu thành tố Hướng trong các kết cấu vận động. Từ đó, đã có nhiều nghiên cứu trường hợp nhằm chỉ ra một ngôn ngữ là ngôn ngữ đánh dấu thành tố Hướng ở trong nội bộ động từ hay ở các yếu tố phụ đi cùng động từ. Trong tiếng Việt, cũng đã xuất hiện các nghiên cứu về nhóm từ chỉ Hướng vận động, tiêu biểu như của Nguyễn Lai [2], Ly Ngọc Toàn [7], [8], luận án tiến sĩ của Brown [4] và Nguyen Phuong Hoang [9]. Đối với tiếng Trung từ trước đến nay vẫn tồn tại cuộc tranh luận xoay quanh việc xét ngôn ngữ này thuộc nhóm đánh dấu yếu tố Hướng trong phụ ngữ của động từ hay thuộc nhóm đánh dấu thành tố Hướng trong thành phần tương đương với động từ [16]. Thực tế, ngay trong tiếng Việt hiện vẫn còn đang trong cuộc tranh luận bỏ ngỏ về việc xếp tiếng Việt vào nhóm ngôn ngữ định khung phụ từ hay nhóm định khung thành phần tương đương. Như vậy, dù là xếp vào nhóm nào thì có thể thấy cả tiếng Việt và tiếng Trung đều có tư cách giống nhau trong thể phân chia loại hình học của Talmy và Slobin.

Hiện nay, nghiên cứu đặt tiếng Việt ở thể đối sánh với tiếng Trung để ứng dụng trong giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Trung Quốc vẫn là một chủ đề còn chưa được khai thác nhiều. Từ thực tế ấy, bài viết có mục đích chỉ ra những yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ tác động đến việc tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc.

2. Một số vấn đề lý thuyết liên quan

Từ sau các công trình của Talmy [14], [15], tiêu chí Hướng trong biểu đạt sự tình vận động đã được đưa ra để phân chia các ngôn ngữ trên thế giới trong thể đối lập loại hình học giữa ngôn ngữ *định khung động từ*

(verb-framed) và ngôn ngữ *định khung phụ từ* (satellite-framed). Theo Talmy, các yếu tố trong một sự tình vận động có Hướng gồm: Hình (figure), Nền (ground), Cách thức (manner) và Hướng (path). Đối với các ngôn ngữ định khung động từ như tiếng Nhật, Hàn, Tây Ban Nha thì thành tố Hướng được đánh dấu ngay trên thân động từ, như ví dụ (1a). Còn các ngôn ngữ định khung phụ từ như tiếng Anh, tiếng Finno-Ugric thì thành tố Hướng được đánh dấu trong phụ ngữ của động từ, như ví dụ (1b).

(1) a. Tiếng Tây Ban Nha:

[La bottle] _{Hình}	[entró] _{Hướng}
[a la cueva] _{Nền}	[flotando] _{Cách thức}

b. Tiếng Anh:

[The bottle] _{Hình}	[floated] _{Cách thức}
[into] _{Hướng}	[the cave] _{Nền}

Đối với tiếng Việt, theo hai công trình của Beecher [3] và Pace [10] thì vừa có thể được xếp vào ngôn ngữ định khung phụ từ, vừa có thể được xếp vào một loại hình thứ ba: ngôn ngữ *định khung thành phần tương đương* (equipollently-framed) theo phân loại của Slobin [11], [12], [13].

(2) a. Tiếng Việt:

[Cái chai] _{Hình}	[trôi] _{Cách thức}
[vào] _{Hướng}	[trong hang] _{Nền}

b. Tiếng Trung:

[Pingzi] _{Hình}	[piao] _{Cách thức}
[jin] _{Hướng}	[dongzi li] _{Nền}

Tương tự, trong tiếng Trung cũng có cuộc tranh luận là liệu nên xếp tiếng Trung vào ngôn ngữ *định khung phụ từ* hay ngôn ngữ *định khung thành phần tương đương* (xem [16]). Theo Yang [16], các thành phần trong kết cấu câu ở tiếng Trung Quốc không

giống nhau về ngữ nghĩa cũng không bình đẳng về tư cách ngữ pháp. Yếu tố chỉ Hướng trong các sự tình vận động có thể được mã hóa bằng các động từ chính lại cũng có thể mã hóa bằng các phụ từ. Ngoài ra, trong tiếng Trung đang có xu hướng ngữ pháp hóa các thành tố chỉ Hướng, từ tư cách động từ chỉ hướng sang tư cách phụ từ chỉ hướng.

Sự nhập nhằng trong việc xác định loại hình của tiếng Việt và tiếng Trung do một từ vừa có thể coi là phụ từ bổ nghĩa cho động từ chính lại cũng có thể coi là *thành phần tương đương* với động từ trong kết cấu vị từ chuỗi (serial verb construction) (xem thêm [1]).

Ở đây bài viết chọn theo giải pháp đã được một số nhà ngôn ngữ học như Croft và đồng tác giả [5], Lewandowski & Mateu [6] áp dụng, đó là khi xếp một ngôn ngữ cụ thể vào thể phân loại Loại hình học của Talmy [14] và Slobin [12] thì không xét theo tổng thể cái ngôn ngữ đó, mà phải dựa vào từng kết cấu cụ thể. Ngoài ra, chúng tôi cũng áp dụng khái niệm phụ từ “satellite” được hiểu theo nghĩa rộng của Croft và đồng tác giả [5]: tất cả những yếu tố không phải động từ chính trong kết cấu vận động có Hướng thì đều được gọi là phụ từ. Theo đó, nếu chỉ xét trong kết cấu vận động có Hướng chứa động từ *đi* và nếu xếp tất cả các từ xoay quanh động từ *đi* là phụ từ thì tiếng Việt và tiếng Trung cùng được xếp vào các ngôn ngữ *định khung phụ từ*.

3. Ngữ liệu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này thực hiện trên 90 học viên Trung Quốc thuộc các trình độ từ sơ cấp đến cao cấp với thời lượng học tiếng Việt từ 6 tháng đến trên 2 năm.

Về ngữ liệu, bài viết tiến hành khảo sát 34 câu hỏi về kết cấu vận động chứa động

từ *đi*. Trong kết cấu vận động chứa động từ *đi*, chia ra làm hai loại lớn là kết cấu vận động Có Hướng và kết cấu vận động Vô Hướng với thành tố bắt buộc gồm động từ *đi* và địa điểm. Kết cấu vận động Có Hướng lại được chia thành ba loại nhỏ hơn: *Nguồn*, *Đích*, *Tuyến*. Còn kết cấu vận động Vô Hướng thì có thể kể đến các thành tố như *nội dung*, *mục đích*, *lý do*, *phương tiện*. Ví dụ cụ thể cho từng loại được đưa ra sau đây:

* Kết cấu vận động Có Hướng:

(3) [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [đến]_{Đích} [chợ]_{Nền}.
(Đích)

(4) [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [lên]_{Vị trí} [từ]_{Nguồn} [chợ]_{Nền}.
(Nguồn)

(5) [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [ngang qua]_{Tuyến} [chợ]_{Nền}.
(Tuyến)

* Kết cấu vận động Vô Hướng:

(6) [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [chợ]_{Nền} [bằng xe máy]_{phương tiện} [cho đỡ mệt]_{mục đích}.
(Vô Hướng)

Bảng hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm. Với mỗi một câu sẽ có 3 lựa chọn A, B, C, trong đó người tham gia sẽ chọn 1 lựa chọn theo họ là đúng với trật tự tiếng Việt nhất.

(7) Ví dụ: Hãy lựa chọn 1 câu có trật tự từ đúng nhất:

- Peter về đi nhà từ chợ.
- Peter đi về nhà từ chợ.
- Peter đi nhà về từ chợ.

Khi thu thập dữ liệu, chúng tôi sử dụng Google Form.

Bài viết này nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu chính sau: Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự tiếp thu cấu trúc vận động

chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc?

4. Kết quả

Kết quả ban đầu cho thấy một số yếu tố phi ngôn ngữ và yếu tố ngôn ngữ đã ảnh hưởng đáng kể tới sinh viên Trung Quốc khi tiếp cận kết cấu vận động chứa từ động từ *đi*.

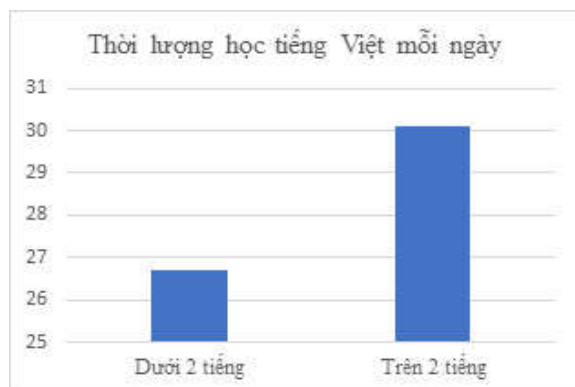
4.1. Yếu tố phi ngôn ngữ

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy ba yếu tố gắn bó mật thiết với một người học tiếng Việt như một ngoại ngữ là thời gian, môi trường và trình độ. Sau đây, chúng tôi sẽ làm rõ từng yếu tố này đã ảnh hưởng lên chủ thể tiếp nhận ngôn ngữ tiếng Việt như thế nào, cụ thể là việc tri nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi* của sinh viên Trung Quốc.

4.1.1. Yếu tố thời gian

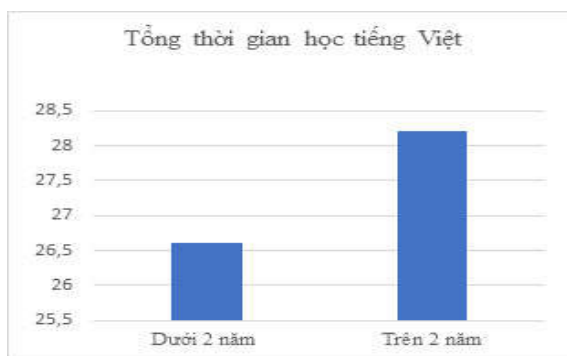
Đối với yếu tố này, khảo sát đưa ra kết quả cho cả thời lượng học mỗi ngày và tổng thời gian học tiếng Việt.

Thời lượng trong một ngày dành cho việc học một ngôn ngữ mới đóng vai trò quan trọng. Liệu học càng nhiều càng tốt hay càng ít càng có hiệu quả và thực tế bao lâu là đủ? Khảo sát chia biến thời lượng học thành *dưới 2 tiếng* và *trên 2 tiếng*. Kết quả cho thấy có sự khác biệt khá rõ về điểm trung bình trả lời đúng của những người học dành các mức độ thời gian học trong ngày khác nhau.



Ở đây, điểm trung bình của nhóm học dưới 2 tiếng là 26,7 và nhóm trên 2 tiếng là 30,1, chênh lệch 3,4 điểm (điểm tuyệt đối là 34 điểm trên tổng số 34 câu được khảo sát). Như vậy, thời lượng học trong ngày đã có tác động đến chủ thể học ngôn ngữ. Có thể thấy, mức thời gian cần học tối thiểu không thể dưới 2 tiếng. Mức thời gian trên 2 tiếng vẫn thể hiện rõ ưu thế trong kết quả tri nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi*.

Ngoài thời lượng học thì tổng thời gian cũng là một thước đo cho thấy khả năng tri nhận của một chủ thể đối với ngôn ngữ mới. Yếu tố này được chia thành 2 biến là *học tiếng Việt dưới 2 năm* và *học tiếng Việt trên 2 năm*. Kết quả như sau:



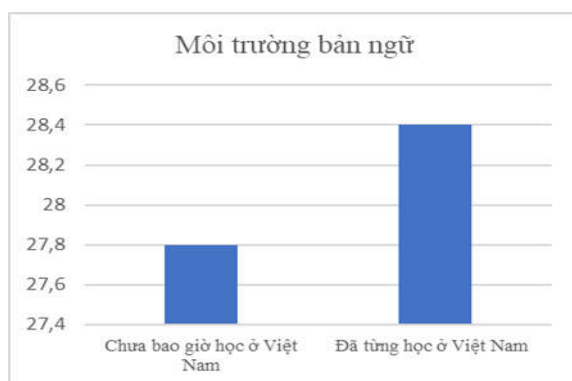
Đối với nhóm học viên học tiếng Việt dưới 2 năm, điểm trả lời đúng trung bình là 26,6 còn nhóm học trên 2 năm điểm trung bình là 28,2, mức độ chênh lệch của hai nhóm khoảng 2 điểm. Khảo sát lấy biến cố định 2 năm để phân chia điểm trên và điểm dưới bởi xác định bao lâu sẽ đạt trình độ như mong muốn luôn là câu hỏi khó do còn phụ thuộc vào năng lực của từng chủ thể tiếp nhận ngôn ngữ đó. Tuy nhiên vẫn có thể định lượng lộ trình học bằng tổng thời gian một cách tương đối. Kết quả khảo sát cho thấy nhóm có tổng thời gian học nhiều hơn 2 năm thể hiện khả năng tiếp nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi* tốt hơn.

Như vậy, thời gian mà một chủ thể dành

cho việc tiếp thu ngôn ngữ mới càng nhiều thì kết quả thu được càng tốt. Nhìn chung, không thể phủ nhận sự ảnh hưởng của yếu tố thời gian lên quá trình tri nhận một ngôn ngữ.

4.1.2. Yếu tố môi trường

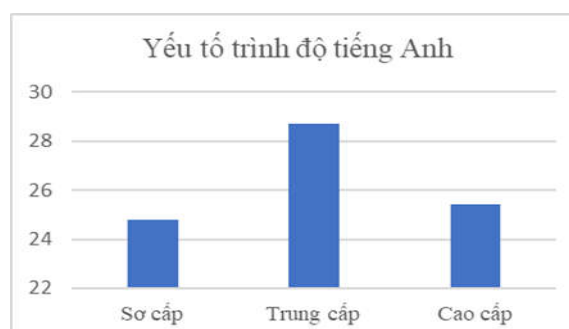
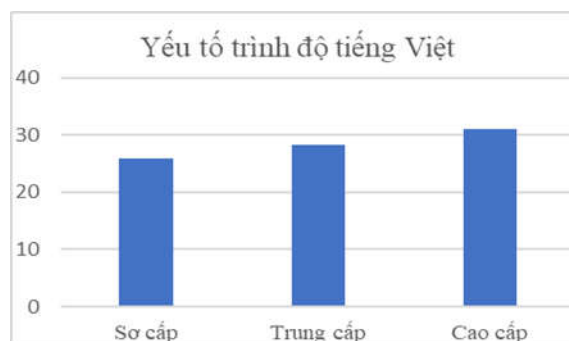
Khi học một ngoại ngữ, môi trường học có ảnh hưởng nhất định đến quá trình tri nhận ngôn ngữ đó. Việc được hoặc không được nhúng vào môi trường bản ngữ sẽ có tác động đến việc tiếp thu ngôn ngữ ấy. Đối với yếu tố này, bài viết chia thành 2 biến: *chưa bao giờ học ở Việt Nam* và *đã từng học ở Việt Nam*. Kết quả khảo sát như sau:



Mức điểm trung bình của nhóm *chưa bao giờ học ở Việt Nam* đạt 27,8 còn nhóm *đã từng học ở Việt Nam* đạt 28,4, mức chênh lệch giữa hai nhóm là 6 lần, nếu tính đến từng 0,1 điểm. Như vậy, việc được tiếp xúc với môi trường bản ngữ trong học ngoại ngữ là điều cần thiết và thể hiện hiệu quả nhất định.

4.1.3. Yếu tố trình độ

Thời lượng học là một trong những yếu tố quyết định sự khác biệt về trình độ của mỗi người học ngoại ngữ. Trình độ như thế nào sẽ ảnh hưởng đến việc người học tri nhận, xử lý các vấn đề liên quan đến ngoại ngữ đang học. Bài viết đề cập đến sự ảnh hưởng ở khả năng thành thạo tiếng Việt và tiếng Anh của sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu tiếng Việt.



Nhìn vào kết quả trên có thể nhận thấy, học viên Trung Quốc càng thành thạo tiếng Việt thì khả năng tri nhận kết cấu vận động càng tốt. Nếu mức điểm trung bình của nhóm sơ cấp chỉ đạt 25,8 thì nhóm cao cấp là 31,1. Chênh lệch giữa sơ cấp và trung cấp là 2,4 điểm, giữa trung cấp và cao cấp là 2,8 điểm, còn sơ cấp với cao cấp lên đến 5,3 điểm. Chúng ta nhìn thấy rõ ràng sự khác biệt về trình độ đã chi phối như thế nào khi sinh viên Trung Quốc tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ đi.

Tuy nhiên, cũng trên những đối tượng được khảo sát đó khi xét ảnh hưởng của trình độ tiếng Anh lên việc tiếp thu tiếng Việt lại cho kết quả khác. Cụ thể, mức điểm trung bình thấp nhất vẫn thuộc nhóm sơ cấp (24,8) nhưng mức điểm trung bình cao nhất lại là nhóm trung cấp (28,7) chứ không phải cao cấp. Như vậy, trình độ tiếng Anh càng cao có vẻ như lại là một trở ngại đối với sinh viên Trung Quốc khi học tiếng Việt. Thực tế, tiếng Anh là ngôn ngữ được xếp vào nhóm định khung động từ trong khi

tiếng Việt và tiếng Trung đều thuộc nhóm định khung phụ từ. Vì thế, nếu sinh viên thành thạo tiếng Anh dường như sẽ gây ra trở ngại khi học kết cấu vận động của tiếng Việt do khác loại hình. Tuy nhiên, cần phải nghiên cứu thêm để có thể đưa ra một kết luận mang tính bao quát hơn.

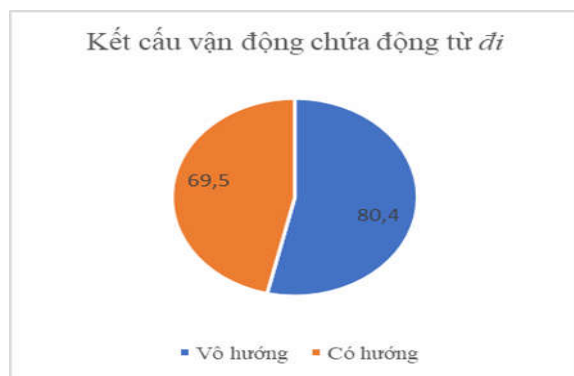
4.2. Yếu tố ngôn ngữ

Trong phần này, bài viết chỉ ra các yếu tố nội tại ngôn ngữ đã ảnh hưởng như thế nào tới quá trình tiếp nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc.

Kết cấu vận động chứa động từ *đi* sẽ được chia làm 2 loại là Vô Hướng và Có Hướng. Trong Có Hướng sẽ tiếp tục chia nhỏ thành Đích, Nguồn và Tuyến. Ở mỗi loại, sinh viên Trung Quốc sẽ gặp những khó khăn khác nhau khi tiếp thu bởi những nguyên nhân nội tại của kết cấu.

4.2.1. Kết cấu vận động chứa động từ “đi”

Sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu kết cấu này cho kết quả khác nhau giữa kiểu vận động Có Hướng và Vô Hướng.

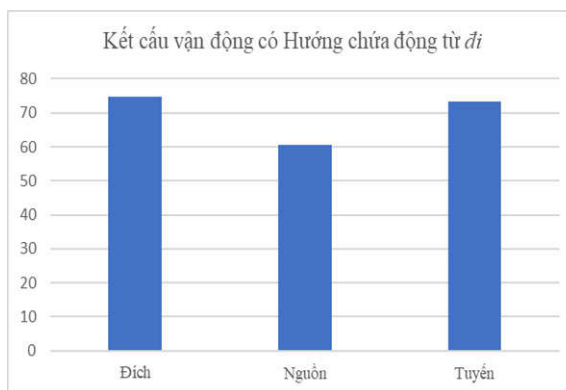


Mức điểm trả lời đúng trung bình của kết cấu vận động Vô Hướng là 80,4 nhưng kết cấu vận động Có Hướng chỉ đạt 69,5, độ chênh lệch là 10,9 điểm. Có thể thấy, kiểu kết cấu vận động chứa từ *đi* Vô Hướng dễ tiếp nhận hơn. Điều này xuất phát từ nội

tại kết cấu của hai dạng này. Đối với Có Hướng, phần rào cản có thể đến từ các yếu tố Nguồn, Đích, Tuyến - có sự khác biệt khi tri nhận ở mỗi một ngôn ngữ khác nhau. Trong khi đó các yếu tố trong kết cấu Vô Hướng như *nội dung, mục đích, lý do, phương tiện* lại dễ mang tính phổ quát. Thêm một điểm nữa, những thành phần của kết cấu Có Hướng thường mang tính trừu tượng (chiều không gian, phương, trục địa lý), trong khi đó, các thành phần ở kết cấu Vô Hướng lại mang tính cụ thể (sự vật, đối tượng, thuộc tính). Như vậy, bản chất của các yếu tố nội tại trong mỗi dạng kết cấu đã gây ra những khó khăn cho sinh viên Trung Quốc khi tri nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi* ở tiếng Việt.

4.2.2. Kết cấu vận động Có Hướng

Trong nội bộ kết cấu vận động Có Hướng lại được chia thành các hướng Đích, Nguồn, Tuyến. Ở mỗi kiểu hướng này, sinh viên Trung Quốc có kết quả tri nhận không đồng đều.



Nhìn vào biểu đồ có thể thấy, trong kết cấu vận động chứa động từ *đi*, Đích có mức điểm trung bình cao nhất (74,8), sau đó là Tuyến (73,2) và thấp nhất là Nguồn (60,2). Mức chênh lệch cao nhất là giữa Đích và Nguồn, lên tới 14,6 điểm, sau đó là Tuyến và Nguồn là 13 điểm, trong khi đó giữa Đích và Tuyến thấp nhất chỉ 1,6 điểm. Vậy,

nguyên nhân nội tại nào trong kết cấu vận động Có Hướng chứa động từ *đi* ở tiếng Việt đã đưa đến kết quả trên? Liệu những tương đồng về loại hình có phải là điểm thuận lợi hay lại là rào cản đối với sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu các kiểu kết cấu Có Hướng này. Sau đây chúng tôi sẽ xem xét từng loại kết cấu vận động Có Hướng.

4.2.2.1. Kết cấu vận động Hướng Đích

Kiểu này được chia nhỏ như sau:

- (a) Đi + Nền.
- (b) Đi + Đích_(vào/đến) + Nền.
- (c) Đi + Đích_(vào/đến/lên) + Vị trí_(trong/trên...) + Nền.
- (d) Đi + phương tiện/mục đích + Đích + Nền.

Đối với kiểu vận động hướng Đích, dạng tối giản sẽ bao gồm động từ *đi* và thành tố Nền, còn dạng mở rộng sẽ thêm thành tố Đích và thành tố Vị trí. Trong bốn kiểu trên thì kiểu (a) ít mắc lỗi sai nhất sau đó đến (b), (d) và cuối cùng mức độ sai nhiều nhất là kiểu (c).

Sau đây là ví dụ cho kiểu (a):

- (8) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [chợ]_{Nền}.
Tiếng Việt
- b. [Hua]_{Hình} [qu]_{Cách thức} [shì chang]_{Nền}.
Tiếng Trung

Với dạng kết cấu kiểu (a) này, về cơ bản giữa tiếng Trung và tiếng Việt không có khác biệt, trật tự các thành phần cũng giống nhau. Vì thế, kết quả hơn 90% sinh viên Trung Quốc tri nhận đúng kiểu này là điều dễ hiểu.

Tuy nhiên với kiểu (b) khi phải thêm thành tố chỉ Đích thì kết quả đã có sự thay đổi. Đối với các câu có chứa từ chỉ Đích “vào, ra” thì lỗi sai không nhiều chỉ khoảng 5%, nhưng nếu là các từ “lên, xuống” thì lỗi sai xuất hiện nhiều hơn chiếm từ 15-20%.

Xem xét các ví dụ:

- (9) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [vào]_{Đích}
[chợ]_{Nền}. Tiếng Việt
- b. [Hua]_{Hình} [zou]_{Cách thức} [jin]_{Đích}
[shichang]_{Nền}. Tiếng Trung
- (10) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [xuống]_{Đích}
[chợ]_{Nền}. Tiếng Việt
- b. [Hua]_{Hình} [qu]_{Cách thức}
[shichang]_{Nền}. Tiếng Trung

Trong (9b), “zou” chỉ vận động “đi” theo cách cụ thể (đi bộ) còn “jin” là thành tố phụ mang ý nghĩa tiến vào. Ở đây kết cấu (9a) và (9b) hoàn toàn giống nhau vì thế không khó để sinh viên Trung Quốc tiếp thu trong tiếng Việt. Tuy nhiên (10b), thành tố Đích không được biểu hiện cụ thể. Trong trường hợp “đi xuống chợ” người Việt đề cập đến vị trí của người nói cao hơn so với chợ nhưng thực tế người Trung Quốc dường như chỉ coi chợ là địa điểm trên bề mặt không giống như tòa nhà có các tầng để phân biệt vị trí cao thấp với người nói. Vì thế, (10b) chỉ quan tâm tới vận động đến đích chứ không đề cập tới Hướng cụ thể của vận động. Có lẽ vì lý do này, khi tri nhận sang tiếng Việt với kiểu kết cấu dạng (b) có chứa các từ chỉ hướng (lên/ xuống) sinh viên Trung Quốc sẽ gặp khó khăn hơn “đi vào/ đi ra”.

Tương tự ở dạng (b), dạng (d) thêm thành tố chỉ mục đích hoặc phương tiện thì việc tri nhận vẫn dễ dàng với dạng kết cấu có các từ chỉ hướng Đích (vào, ra) với kết quả đúng cao hơn (94,4%) còn các từ chỉ Đích (lên, xuống) chỉ đạt 78,9%.

Dạng hướng Đích cuối cùng (c) gặp nhiều lỗi sai nhất, kết quả đúng chỉ đạt tới đa 62,2%, kém so với dạng (a) hay (b), (d) khoảng 1,5 lần. Xét các ví dụ sau:

(11) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [lên]_{Đích} [trên]_{Vị trí} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [qu]_{Cách thức} [shichang]_{Nền}.
Tiếng Trung

(12) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [xuống]_{Đích} [dưới]_{Vị trí} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [qu]_{Cách thức} [shichang]_{Nền}.
Tiếng Trung

Dạng (c) trong tiếng Việt ngoài “đi” còn bao gồm các thành tố Đích, Vị trí và Nền. Các thành tố này đều được đánh dấu bằng các từ xung quanh động từ “đi”. Tuy nhiên, trong tiếng Trung tình hình lại có sự khác biệt, thể hiện qua việc chỉ tập trung đến “vận động” và “Nền”, còn các yếu tố Hướng hay Vị trí đã bị làm mờ. Như trên đã đề cập, do “Nền” ở đây là “chợ” không phải là địa điểm tự bản thân có vị trí phân biệt trên dưới kiểu tòa nhà có các tầng nên trong tiếng Trung chỉ đề cập đến vận động “đi” tới Nền. Chính vì thế, khi tiếp thu dạng này trong tiếng Việt, sinh viên Trung Quốc sẽ có lúng túng trong việc sắp xếp trật tự các thành tố phụ sau động từ “đi”.

4.2.2.2. Kết cấu vận động Hướng Nguồn

Đối với dạng kết cấu này có các kiểu nhỏ sau:

(a) Đi + Nguồn_(từ/ ra khỏi) + Nền.

(b) Đi + Nguồn_(từ) + Vị trí_(dưới/trong) + Nền.

Trong hai kiểu kết cấu trên thì dạng (a) ít lỗi sai hơn, khoảng 24,4% nhưng dạng (b) từ 32,2% đến 53,3%.

(13) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [từ]_{Nguồn} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [cong]_{Nguồn} [shichang]_{Nền} [qu]_{Cách thức}. Tiếng Trung

Trong ví dụ (13a) và (13b), về cơ bản, các thành tố trong kết cấu vận động giống

nhau, đều được thể hiện riêng biệt. Sự khác nhau chỉ là trật tự sắp xếp các thành tố đó. Nếu ở tiếng Việt (13a), vận động là thành tố chính xuất hiện trước các thành tố phụ Nguồn và Nền thì ở tiếng Trung có trật tự ngược lại (13b), các thành tố phụ xuất hiện trước thành tố chính, nên trong tiếng Việt là “đi từ chợ” thì tiếng Trung là “từ chợ đi”. Sự tương đồng cơ bản như vậy làm cho sinh viên Trung Quốc tiếp thu kiểu (a) dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, cũng là hướng Nguồn kiểu (a), trường hợp sau lại ít gây khó khăn trong tiếp thu do cách tri nhận về vận động của người Trung Quốc.

(14) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [ra khỏi]_{Nguồn} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [likai]_{Cách thức} [shichang]_{Nền}.
Tiếng Trung

Cùng là Nguồn nhưng ví dụ (13b) “từ chợ đi” thì thành tố Nguồn và Cách thức đứng riêng biệt. Tuy nhiên, ở (14b) “đi ra khỏi” được xác định “rời khỏi” một điểm nên Nguồn và Cách thức vận động tích hợp trong kết cấu vị từ chuỗi “li kai”. Hơn nữa, trong quy tắc kết hợp của tiếng Trung thì ngay sau “li kai” sẽ là “địa điểm” nên về trật tự thành tố thì ở đây lại không có khác biệt so với tiếng Việt. Chính vì thế cùng là tiếp nhận hướng Nguồn nhưng với sinh viên Trung Quốc “đi từ chợ” vẫn khó hơn “đi ra khỏi chợ”.

Ở kết cấu vận động hướng Nguồn kiểu (b) thêm thành tố chỉ vị trí đã gây khó khăn cho sinh viên Trung Quốc.

(15) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [từ]_{Nguồn} [dưới]_{Vị trí} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [cong]_{Nguồn} [shichang]_{Nền} [lai]_{Cách thức}. Tiếng Trung

Trong tiếng Việt, (15a) thành tố Nguồn và Vị trí tách riêng, trong đó Nguồn là lấy điểm gốc từ Nền còn thành tố Vị trí là điểm gốc từ người nói so với Nền (vị trí người nói cao hơn chợ). Tuy nhiên, ở tiếng Trung, chỉ đề cập đến vận động có hướng từ đâu. Ngoài ra, trật tự của tiếng Việt là thành tố vận động đứng trước các thành tố phụ (Nguồn, Vị trí, Nền) trong khi đó ở tiếng Trung lại đảo trật tự Nguồn, Nền đứng trước vận động “lai” (tới, đi tới). Như vậy, có thể thấy nguyên nhân vì khuyết thành tố vị trí và sự đảo ngược trật tự các thành tố ở kết cấu trong hai ngôn ngữ nên sinh viên đã gặp nhiều lỗi khi tiếp thu.

4.2.2.3. Kết cấu vận động Hướng Tuyến

Dạng kết cấu này cũng được chia nhỏ thành:

(a) Đi + Tuyến_(qua) + Nền

(b) Đi + Phương_(ngang) + Tuyến_(qua) + Nền

Trong hai kiểu này thì dạng (a) lỗi sai chỉ chiếm 7,8% còn dạng (b) là 14,4%. Xét các ví dụ cụ thể:

(16) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [qua]_{Tuyến}
[chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [ngang]_{Phương}
[qua]_{Tuyến} [chợ]_{Nền}.

(17) a. [Hua]_{Hình} [luguo]_{Cách thức}. Tuyến
[shichang]_{Nền}. Tiếng Trung

Trong tiếng Việt (16a) và (16b) phân biệt nhau ở thành tố Phương nhưng khi chuyển sang tiếng Trung thành tố này không còn do đó ở tiếng Việt là hai câu thì trong tiếng Trung vẫn là một câu (17a). Ở tiếng Việt, xung quanh “đi” có các thành tố chỉ rõ hướng cũng như Phương của vận động xuất phát từ vị trí của Hình đến Nền. Còn tiếng Trung, vận động và hướng lại tích hợp trong kết cấu vị từ chuỗi “luguo” trong đó “guo” nghĩa “qua, đi qua”, “lu” nghĩa là đường, hàm chỉ

“đi ở trên đường và qua chợ”. Sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu dạng (a) trong tiếng Việt vì có sự tương đồng nhất định nhưng ở dạng (b) thêm yếu tố Phương thì lại gây bối rối. Để xác định được đúng trật tự thành tố Phương trước Tuyến sau đó tới Nền không dễ dàng khi đã có sự ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ.

Ngoài những dạng chỉ rõ từng loại Hướng trong kết cấu vận động chứa động từ *đi* thì còn xuất hiện kiểu kết hợp giữa các Hướng dạng: Đi + Tuyến + Đích + Nền.

(18) a. [Hoa]_{Hình} [đi]_{Cách thức} [tiếp]_{Tuyến}
[đến]_{Đích} [chợ]_{Nền}. Tiếng Việt

b. [Hua]_{Hình} [jiezhe]_{Tuyến} [qu]_{Cách thức}
[shichang]_{Nền}. Tiếng Trung

Đối với tiếng Việt (18a), bên cạnh “đi” thì thành tố Tuyến và Đích được chia tách rõ ràng theo trật tự lần lượt Hướng thế nào và Hướng đến đâu. Trong tiếng Trung thì tập trung vào cách thức “jiezhe” (tiếp theo) của vận động còn yếu tố Đích là zero. Thêm nữa, trật tự của các thành phần ở (18a) và (18b) sắp xếp khác nhau nên đã gây khó khăn cho sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu và mức độ câu trả lời đúng cho dạng kết hợp này chỉ đạt 60%.

5. Kết luận

Thông qua khảo sát, bài viết đã nhận diện ra các yếu tố có tác động tới sinh viên Trung Quốc trong quá trình tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ *đi* của tiếng Việt.

Các yếu tố phi ngôn ngữ cho thấy trình độ càng cao, tổng thời gian học cũng như số giờ học mỗi ngày nhiều sẽ giúp sinh viên có khả năng tri nhận kết cấu vận động chứa động từ *đi* tốt hơn.

Mặc dù tiếng Việt và tiếng Trung được xếp chung nhóm loại hình ngôn ngữ nhưng vẫn có những khó khăn cho sinh viên Trung

Quốc khi tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ *đi*. Cụ thể, ở tiếng Việt vận động “đi” luôn đứng trước các thành tố phụ chỉ Hướng, Vị trí, Nền và các thành tố phụ này được sắp xếp theo đúng trật tự tuyến tính. Tuy nhiên, trong tiếng Trung, vận động “đi” đứng sau thành tố Đích nhưng luôn đứng trước các thành tố Nguồn, Tuyến. Khái quát hơn, từ kết quả khảo sát, vận động “đi” thường đứng sau những thành tố phụ có chức năng như trạng ngữ của câu (thời gian, địa điểm, cách thức, ...) và đứng trước những thành tố phụ có chức năng là bổ ngữ. Điều này cho thấy sự khác biệt nhất định trong nội tại kết cấu vận động giữa tiếng Việt và tiếng Trung đã dẫn tới những khó khăn cho sinh viên Trung Quốc khi tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ *đi* của tiếng Việt.

CHÚ THÍCH

¹ Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số N.23.01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lâm Quang Đông, *Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu có kết cấu vị từ chuỗi tiếng Việt và kết cấu tương ứng trong tiếng Anh*, Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.
- [2] Nguyễn Lai, *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
- [3] Beecher, Henry, *Three varieties of serial verb constructions in Vietnamese*, University of California San Diego, 2004.
- [4] Brown, Linh-Chan, *The grammaticalization of directed motion in Vietnamese*, PhD, University of Colorado, 1999.
- [5] Croft, W., Barðdal, J., Hollmann, W., Sotirova, V. & Taoka, C., “Revising Talmy’s typological classification of complex event constructions”, in Hans C. Boas (eds), *Contrastive Studies in Construction Grammar*, John Benjamins, Amsterdam, pp.201-235, 2010.
- [6] Lewandowski, W. & Mateu, J., “Motion events again: Delimiting constructional patterns”, *Lingua*, Vol.247, pp.1-25, 2020.
- [7] Ly Ngoc Toan, “Lexicalization patterns of path motion in Vietnamese: A perspective from cognitive linguistics”, *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society*, Vol.13, Issue 2, pp.96-113, 2020.
- [8] Ly Ngoc Toan, “Expressions of caused motion in Vietnamese: A perspective from cognitive linguistics”, *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society*, Vol.15, Issue 1, pp.51-78, 2022.
- [9] Nguyen Phuong Hoang, *The preservation of path verb meanings in prepositional extensions in Vietnamese*, PhD, University of Queensland, 2019.
- [10] Pace, Cassandra, “The typology of motion verbs in Northern Vietnamese”, *Rice Working Papers in Linguistics*, Vol.1, 2009.
- [11] Slobin, D., “Two ways to travel: Verbs of motion in English and French”, in M. Shibatani & S. A. Thompson (eds), *Grammatical Constructions: Their Form and Meaning*, pp.195-220, Clarendon Press, Oxford, 1996.
- [12] Slobin, D., “The many ways to search for a frog: Linguistic typology and the expression of motion events”, in S. Strömquist & L. Verhove (eds), *Relating Events in Narrative: Typological and Contextual Perspectives*, pp.219-257, Psychology Press, New York, 2004.
- [13] Slobin, D., “What makes manner of motion salient? Explorations in linguistic typology, discourse, and cognition”, in M. Hickmann & S. Robert (eds), *Space in Languages: Linguistic Systems and Cognitive Categories*, pp.59-81, John Benjamins, Amsterdam, 2006.
- [14] Talmy, L., “Lexicalization patterns: Semantics structure in lexical forms”, in T. Shopen (eds), *Language Typology and Syntactic Description: Grammatical Categories and the Lexicon*, pp.36-149, Cambridge University Press, Cambridge, 1985.
- [15] Talmy, L., *Towards a Cognitive Semantics: Conceptual Structuring Systems*, The MIT Press, Cambridge, 2000.
- [16] Yang Jie, *Revising Talmy’s typology of motion events in the light of Chinese*, PhD, University of Edinburgh, 2014.